

Số tham chiếu: 61002130/17816698-HN/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 28 tháng 8 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 79 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

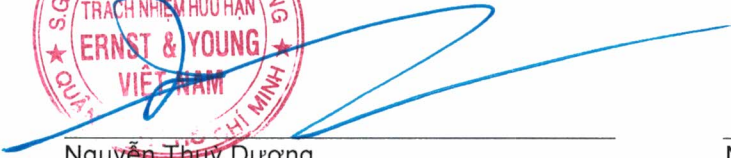
Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Ngân hàng và các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định, văn bản phê duyệt và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Thủy Dương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2013-004-1



Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	6	1.589.482	1.403.153
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	3.007.163	5.210.502
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	8	11.931.084	11.146.287
Tiền gửi tại các TCTD khác	8.1	10.914.230	10.550.510
Cho vay các TCTD khác	8.2	1.016.854	595.777
Chứng khoán kinh doanh	9	44.772	-
Chứng khoán kinh doanh		46.696	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.924)	-
Cho vay khách hàng		148.102.627	133.265.510
Cho vay khách hàng	11	149.243.413	133.993.067
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	(1.140.786)	(727.557)
Hoạt động mua nợ	12	119.255	11.755
Mua nợ		148.374	12.374
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(29.119)	(619)
Chứng khoán đầu tư	14	55.949.436	43.906.651
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		32.051.385	26.354.703
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		25.624.792	18.872.686
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(1.726.741)	(1.320.738)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	65.944	71.258
Đầu tư dài hạn khác		70.014	71.438
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.070)	(180)
Tài sản cố định	16	3.476.520	3.172.068
Tài sản cố định hữu hình	16.1	1.420.192	1.410.427
Nguyên giá tài sản cố định		2.029.715	1.943.901
Hao mòn tài sản cố định		(609.523)	(533.474)
Tài sản cố định vô hình	16.2	2.056.328	1.761.641
Nguyên giá tài sản cố định		2.147.601	1.850.752
Hao mòn tài sản cố định		(91.273)	(89.111)
Bất động sản đầu tư	17	49.299	75.790
Nguyên giá bất động sản đầu tư		49.547	75.889
Hao mòn bất động sản đầu tư		(248)	(99)
Tài sản Có khác	18	47.183.009	43.959.084
Các khoản phải thu		20.298.554	21.730.364
Các khoản lãi, phí phải thu		26.565.648	21.632.549
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	23.2	2.158	-
Tài sản Có khác		682.223	613.003
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(365.574)	(16.832)
TỔNG TÀI SẢN		271.518.591	242.222.058

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	2.350	1.212.443
Tiền gửi và vay các TCTD khác	20	23.137.446	25.917.203
Tiền gửi của các TCTD khác	20.1	6.902.078	9.446.931
Vay các TCTD khác	20.2	16.235.368	16.470.272
Tiền gửi của khách hàng	21	227.370.815	198.505.149
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	36.695	133.018
Các khoản nợ khác	22	5.572.205	3.268.954
Các khoản lãi, phí phải trả		4.229.492	2.312.462
Các khoản phải trả và công nợ khác		1.342.713	956.492
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		256.119.511	229.036.767
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn	24.1	14.303.049	12.303.049
Vốn điều lệ		14.294.801	12.294.801
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		45	45
Thặng dư vốn cổ phần		95.912	95.912
Cổ phiếu quỹ		(87.709)	(87.709)
Các quỹ dự trữ		425.030	425.030
Lợi nhuận chưa phân phối		462.866	457.212
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	208.135	-
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		15.399.080	13.185.291
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		271.518.591	242.222.058

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

B02a/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	17.902	18.619
Cam kết mua ngoại tệ	2.455.787	21.246
Cam kết bán ngoại tệ	1.041.100	21.246
Cam kết giao dịch hoán đổi	13.120.885	10.634.040
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	126.576	116.484
Bảo lãnh khác	429.673	363.183
Các cam kết khác	3.421.600	202.460
40	20.613.523	11.377.278

Người lập:



Bà Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:



Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a/TCTD-HN

	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 triệu đồng	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	10.485.436	9.507.429
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	29	(8.367.803)	(8.512.575)
Thu nhập lãi thuần		2.117.633	994.854
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		130.372	33.651
Chi phí hoạt động dịch vụ		(59.137)	(21.501)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	71.235	12.150
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	(13.390)	52.736
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	132.768	(19.111)
Thu nhập từ hoạt động khác		81.561	66.404
Chi phí từ hoạt động khác		(209.604)	(39.799)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động khác	33	(128.043)	26.605
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	3.168	4.724
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		2.183.371	1.071.958
Chi phí nhân viên		(418.739)	(383.845)
Chi phí khấu hao và hao mòn		(73.482)	(73.742)
Chi phí hoạt động khác		(799.959)	(355.515)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(1.292.180)	(813.102)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		891.191	258.856
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(854.267)	(151.817)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		36.924	107.039
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.1	(10.070)	(24.144)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		26.854	82.895
<i>Trong đó:</i>			
<i>Lợi nhuận phân phối cho các cổ đông của Ngân hàng</i>		26.554	82.895
<i>Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát</i>	25	300	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	26	20	68

Người lập:

Bà Thái Khánh Vân
Giám đốc Kế toán

Người kiểm soát:

Ông Nguyễn Tuấn Cường
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Võ Tấn Hoàng Văn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2015